

BIỂU SỐ 01
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ -HDND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thạch An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Trong đó: vốn NSDP		Huy động khác và nhân dân đóng góp	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ					52.556,650000	51.537,650000	474,000000	345,000000	200,000000	51.537,900000	51.477,000000	-	-	60,900000	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					34.031,650000	33.557,650000	474,000000	-	-	33.557,900000	33.497,000000	-	-	60,900000	
1	Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ở, đất sản xuất					2.020,000000	1.546,000000	474,000000	-	-	1.546,000000	1.546,000000	-	-	-	
1.1	Hỗ trợ nước sinh hoạt					1.000,000000	1.000,000000	-	-	-	1.000,000000	1.000,000000	-	-	-	
	Nước sinh hoạt tập trung Bó Dường, xã Vân Trinh	Xã Thạch An	Công trình hạ tầng cấp IV	2023-2025	949/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	1.000,000000	1.000,000000				1.000,000000	1.000,000000				
1.2	Hỗ trợ nhà ở (xóa nhà tạm nhà dột nát)					1.020,000000	546,000000	474,000000	-	-	546,000000	546,000000	-	-	-	
	xã Tiên Thành		CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			1.020,000000	546,000000	474,000000			546,000000	546,000000				
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc					32.011,650000	32.011,650000	-	-	-	32.011,900000	31.951,000000	-	-	60,900000	
2.1	Nước sinh hoạt tập trung xóm Nà Ấng, xã Vân Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2025		2.398,000000	2.398,000000				2.398,000000	2.398,000000				
2.2	Bê tông đường Roóng Nạc, xóm Nà Tấn xã Vân Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022-2023	364/QĐ-UBND, ngày 15/9/2022	1.300,000000	1.300,000000				1.300,000000	1.300,000000				
2.3	Công trình giao thông đường Phiêng Chang, xã Vân Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022-2025	363/QĐ-UBND, ngày 15/9/2022	2.900,000000	2.900,000000				2.900,000000	2.900,000000				
2.4	Đường nội đồng Khuổi Vàng, xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An	Công trình cấp IV	2024-2025	2281/QĐ-UBND, ngày 23/8/2024	1.100,000000	1.100,000000				1.100,000000	1.100,000000				
2.5	Công trình giao thông đường Sộc Sao, xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022-2023	544c/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	2.100,000000	2.100,000000				2.100,000000	2.100,000000				
2.6	Nước SHTT Bản Cấn (khu dưới), xã Vân Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An	Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV	2024-2025	1679/QĐ-UBND, ngày 07/6/2024	3.000,000000	3.000,000000				3.000,000000	3.000,000000				
	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT Trung Thành đến UBND xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022-2024	1973/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	14.400,000000	14.400,000000				14.400,000000	14.400,000000				
	Làm mới đường dốc Khau Giưỡng xóm Bản Giưỡng xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022,00	1857/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	1.634,900000	1.634,900000				1.634,900000	1.574,000000			60,900000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: vốn NSDP		Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Trong đó: vốn NSDP		Huy động khác và nhân dân đóng góp	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Đường GTNT xóm Nưa Khau, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2023-2025	1856/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	1.494,000000	1.494,000000				1.494,000000	1.494,000000				
	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt xóm Hạp Thành, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2023-2025	1888/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	941,750000	941,750000				942,000000	942,000000				
	Mở mới đường GTNT tuyến Ngườm Riềm, xóm Nà Mười, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2025	420/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	500,000000	500,000000				500,000000	500,000000				
	Mở mới đường GTNT tuyến Lũng Liêng, xóm Trung Thành, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2025	421/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	243,000000	243,000000				243,000000	243,000000				
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					13.000,000000	13.000,000000	-	-	-	13.000,000000	13.000,000000	-	-	-	
1	Công trình đường giao thông liên xã Nà Slòng (Lê Lai) - Nà Tục (Đức Xuân)	Xã Thạch An		2022-2024	2581/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	9.800,00	9.800,00				9.800,000000	9.800,000000				
2	Công trình Nhà Văn hóa xã Văn Trinh	Xã Thạch An		2023-2025	2591/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	3.200,00	3.200,00				3.200,000000	3.200,000000				
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới					5.525,000000	4.980,000000	-	345,000000	200,000000	4.980,000000	4.980,000000	-	-	-	
1	Xã Lê Lai					3.858,000000	3.360,000000	-	345,000000	153,000000	3.360,000000	3.360,000000	-	-	-	
1.1	Mở mới, nâng cấp đường nội đồng Pò Khòe - Phát Đét			2023-2025	1279/QĐ-UBND ngày 13/6/2023	2.130,000000	1.700,000000		345,000000	85,000000	1.700,000000	1.700,000000				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: vốn NSDP		Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Trong đó: vốn NSDP		Huy động khác và nhân dân đóng góp	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1.2	Bê tông mặt đường đoạn Lũng Lãng - Nà Keng xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng			2024-2025	1716/QĐ-UBND ngày 18/6/2024	315,000000	300,000000			15,000000	300,000000	300,000000				
1.3	Bể chứa nước sinh hoạt 60 khối và các công trình phụ trợ xóm Nà Keng xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng		Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV	2024- 2025	1914/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	252,000000	240,000000			12,000000	240,000000	240,000000				
1.4	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2030			2022-2023	QĐ số: 2079/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	377,000000	377,000000				377,000000	377,000000				
1.5	Nâng cấp mặt đường tuyến Lũng Lãng-Nà Keng, Xóm Nà Keng - Độc lập, xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022-2023	QĐ số: 544b/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	464,000000	443,000000			21,000000	443,000000	443,000000				
1.6	Nâng cấp mặt đường liên xóm Nà Linh – Nà Keng, xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022-2023	QĐ số: 2917/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	320,000000	300,000000			20,000000	300,000000	300,000000				
2	Xã Vân Trinh					1.667,000000	1.620,000000	-	-	47,000000	1.620,000000	1.620,000000	-	-	-	
2.1	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vân Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2030	Xã Thạch An		2022-2023	867/QĐ-UBND ngày 08/7/ 2022	377,000000	377,000000				377,000000	377,000000				
2.2	Đường sản xuất Sộc Cỏm Bàn Cản xã Vân Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022	2524/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	465,000000	443,000000			22,000000	443,000000	443,000000				
2.3	Nâng cấp bê tông đường GTNT Đông Slán – Lãm Kéo (Nội tiếp) Xóm Bó Đường xã Vân Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022	2524/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	525,000000	500,000000			25,000000	500,000000	500,000000				
2.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Hồng Sơn xã Vân Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Thạch An		2022	343a/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	300,000000	300,000000				300,000000	300,000000				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Trong đó: vốn NSDP		Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Trong đó: vốn NSDP		Huy động khác và nhân dân đóng góp	
								NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18